

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2025/HS-ST

Ngày: 23/6/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiệu

Thẩm phán: Bà Lê Thị Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Việt Ty

Ông Nguyễn Trọng Thúy

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 114/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Văn C, sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; D bản, chỉ bản số 194 ngày 23/5/2024 do Phòng PC11 Công an tỉnh T lập; CCC số 034091010551, cấp ngày 14/01/2020, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC và TTXH – Bộ C1; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Thủ kho; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Nguyễn Thanh H và 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/5/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn C: Luật sư Hoàng Thị Bích Á - Công ty L - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

Địa chỉ: Số G T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

* Bị hại: Công ty Cổ phần Đ1

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Mạnh T1 - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức Q - Trưởng phòng quản lý điều hành kho vận. Theo Giấy ủy quyền ngày 22/5/2024; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1) là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thiết bị điện lạnh, được Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 17/7/2015; trụ sở chính đặt tại Kho K, Cảng H, đường B, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Công ty thành lập Chi nhánh tại Thanh Hóa ngày 23/5/2017, địa chỉ lô A KCN T, phường Đ, thành phố T.

Ngày 01/10/2015, Công ty Đ1 ký Hợp đồng lao động với Trần Văn C (BL 71-72). Ngày 01/02/2020, công ty B - chi nhánh T2 (BL 69-70); theo đó Trần Văn C thực hiện nghĩa vụ theo quyết định bổ nhiệm gồm: “thực hiện các thủ tục xuất - nhập hàng hóa, quản lý hàng tồn kho, sắp xếp, bảo quản hàng hóa trong kho, thực hiện thu, chi tiền tại kho Thanh H1 và nộp tiền về công ty, phối hợp với kế toán công nợ - kế toán kho đối chiếu các số liệu phát sinh trong ngày...”. Công ty Đ1 đã ban hành Quy định số 3107/QĐ-DLNNC ngày 31/7/2015 về việc “bán hàng, vận chuyển, thu tiền”, trong đó quy định: “các trường hợp giao hàng thu tiền ngày, yêu cầu nhân viên thu tiền nộp về công ty ngay theo quy định. Đối với khu vực Hà Nội tối đa không quá 01 ngày, đối với đi tỉnh và các kho tại Hải Phòng, Thanh Hóa tối đa không quá 02 ngày. Nếu quá thời gian trên thì coi đó là hành vi chiếm đoạt tài sản Công ty” (BL68).

Quá trình thực hiện nhiệm vụ thủ kho chi nhánh T2, trong thời gian từ ngày 26/7/2022 đến 05/8/2022, Trần Văn C đã xuất kho cho 43 đơn hàng và thu tiền mặt của khách hàng với tổng số tiền là 1.477.399.000 đồng, nhưng C không nộp tiền về Công ty mà chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân (BL 181-250). Cụ thể các đơn hàng như sau:

1) Đơn hàng thứ nhất: Ngày 26/07/22, xuất hàng cho công ty TNHH D1, địa chỉ A C, P. L, TP . 01 điều hòa nhiệt độ, theo mã đơn hàng PX: 2207/04829, C đã thu số tiền 6.330.000^d (Sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

2) Đơn hàng thứ hai: ngày 26/07/22, xuất hàng cho cửa hàng D2 có địa chỉ tại C N, P. T (nay là P), TP . 01 điều hòa nhiệt độ, theo mã đơn hàng PX: 2207/04843. C thu số tiền số tiền 5.280.000^d (Năm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

3) Đơn hàng thứ ba: ngày 28/07/22, xuất hàng cho Công ty TNHH Đ2, có địa chỉ tại C N, phường Đ, TP . 01 điều hòa nhiệt độ, theo mã đơn hàng PX: 2207/05268. C thu số tiền 10.880.000^d (Mười triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

4) Đơn hàng thứ tư: ngày 28/07/22, xuất hàng cho Công ty TNHH Đ2, có địa chỉ tại C N, phường Đ, TP . 01 điều hòa nhiệt độ, theo mã đơn hàng PX: 2207/05202. C đã thu 8.780.000đ (Tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

5) Đơn hàng thứ năm: ngày 28/07/22, xuất cho cửa hàng D2 có địa chỉ tại C N, P. T (nay là P), TP . 01 điều hòa nhiệt độ, theo mã đơn hàng PX: 2207/05351. C đã thu số tiền 6.280.000đ (Sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

6) Đơn hàng thứ sáu: ngày 28/07/22, xuất hàng cho cửa hàng D2 có địa chỉ tại C N, P. T (nay là P), TP . 01 điều hòa nhiệt độ, theo mã đơn hàng PX: 2207/05343. C đã thu tiền mặt của khách hàng số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

7) Đơn hàng thứ bảy: ngày 28/07/22, xuất hàng cho Công ty L1, có địa chỉ tại Lô D, khu công nghiệp T, P. Đ, TP . 01 điều hòa nhiệt độ, theo mã đơn hàng PX: 2207/05309. C đã thu số tiền 10.780.000đ (mười triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

8) Đơn hàng thứ tám: ngày 28/07/22, xuất cho Công ty L1 Lô 4A3, khu công nghiệp T, P. Đ, TP .: 02 Bình nóng lạnh, theo mã đơn hàng số PX:2207/05265. C đã thu số tiền 2.930.000đ (Hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

9) Đơn hàng thứ chín: ngày 28/07/22, xuất cho Công ty TNHH K, địa chỉ D, đường T, phường P, thành phố T 05 điều hòa nhiệt độ, theo mã đơn hàng PX: 2207/05264. C đã thu số tiền 43.900.000đ (Bốn mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

10) Đơn hàng thứ mười: ngày 29/07/22, xuất hàng cho Công ty TNHH K1 04 điều hòa nhiệt độ, theo mã đơn hàng 2207/05300, giá trị đơn hàng là 37.920.000đ. Công ty K1 đã chuyển tiền hàng vào tài khoản công ty số tiền 32.370.000 đồng, còn thiếu 5.550.000 đồng (Năm triệu trăm năm mươi nghìn đồng), C đã thu tiền mặt 5.550.000 đồng của Công ty K1.

11) Đơn hàng thứ mười một: ngày 29/07/22, xuất cho Công ty TNHH Đ2, có địa chỉ tại C N, phường Đ, TP . 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2207/05432. C đã thu số tiền 17.380.000đ (Mười bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

12) Đơn hàng thứ mười hai: ngày 29/07/22, xuất hàng cho cửa hàng Đ3, địa chỉ Xóm I, xã M, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng 2207/05405; C đã thu số tiền 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

13) Đơn hàng thứ mười ba: ngày 29/07/22, xuất cho cửa hàng Đ4, địa chỉ khối A, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh: 02 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng 2207/05402. C đã thu số tiền 21.800.000đ (Hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

14) Đơn hàng thứ mười bốn và mười lăm: ngày 29/07/22, xuất hàng cho cửa hàng Đ5, địa chỉ số C, T, phường T, TP ., tỉnh Hà Tĩnh: 02 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng 2207/05403 và 08 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng số 2207/05397. C thu tổng 2 đơn hàng số tiền 100.009.000 đồng (Một trăm triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng).

15) Đơn hàng thứ mười sáu: ngày 29/07/22, xuất bán cho Công ty L1, địa chỉ Lô D khu công nghiệp T, phường Đ, thành phố T: 02 bình nóng lạnh theo mã đơn hàng 2207/05418. C đã thu số tiền 3.140.000đ (Ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

16) Đơn hàng thứ mười bảy: ngày 29/07/22, xuất bán cho Công ty TNHH K, địa chỉ D đường T, phường P, thành phố T: 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2207/05415. C đã thu số tiền 8.780.000đ (Tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

17) Đơn hàng thứ mười tám: ngày 29/7/2022, xuất bán cho cửa hàng Đ6, địa chỉ khối B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An: 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2207/05406. C thu số tiền 9.850.000đ (Chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

18) Đơn hàng thứ mười chín: ngày 30/07/22, xuất bán cho Công ty cổ phần T3 P1, địa chỉ số D, tổ G, khu ga V, huyện T, TP .: 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng số PX: 2207/05645. C thu tiền mặt của khách hàng số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

19) Đơn hàng thứ hai mươi: ngày 30/07/22, xuất bán cho Công ty TNHH D1, địa chỉ A C, phường L, TP .: 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng 2207/05588. C đã thu tiền mặt 4.280.000đ (Bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

20) Đơn hàng thứ hai mươi một: ngày 30/07/22, xuất bán cho khách lẻ do chị Hoàng Thị Thu Đ là nhân viên kinh doanh của công ty Đ1 điều hòa nhiệt độ. Ngoài số tiền khách mua hàng thanh toán bằng hình thức chuyển vào tài khoản của Công ty, thì Công ty Đ1 yêu cầu C thu 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) tiền mặt của khách hàng. C đã xuất kho hàng và thu tiền của khách 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

21) Đơn hàng thứ hai mươi hai: ngày 30/07/2022, xuất bán cho Công ty TNHH K1, địa chỉ P402 CT3- Chung cư P, phường P, thành phố T: 01 điều hòa theo mã đơn hàng 2207/05612. C thu số tiền 8.780.000đ (tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

22) Đơn hàng thứ hai mươi ba: ngày 31/07/2022, xuất bán cho cửa hàng D2, địa chỉ C N, P. P, TP .: 03 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng 2207/05747. C thu số tiền 20.790.000đ. (Hai mươi triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

23) Đơn hàng thứ hai mươi tư: ngày 31/07/2022, xuất hàng bán cho cửa H, địa chỉ D N, P. B, TP . 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX:

2207/05749. C đã thu số tiền 9.680.000đ. (Chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

24) Đơn hàng thứ hai mươi lăm: ngày 31/07/2022, xuất hàng cho Công ty TNHH K, địa chỉ D đường T, P. P, TP.: 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2207/05672. C đã thu số tiền 20.430.000đ. (Hai mươi triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

25) Đơn hàng thứ hai mươi sáu: ngày 01/8/2022, xuất hàng cho Công ty cổ phần T3 và tự động A, địa chỉ Lô C khu tổ hợp dịch vụ nhà ở, Chung cư, P. Đ, TP.: 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2208/00018. C đã thu số tiền 12.230.000đ (Mười hai triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

26) Đơn hàng thứ hai mươi bảy: ngày 01/8/2022, xuất hàng cho cửa hàng Đ3: 03 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2208/00042. C đã thu số tiền 32.550.000đ (Ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

27) Đơn hàng thứ hai mươi tám: ngày 01/8/2022, xuất hàng cho Công ty V, địa chỉ G N, P. B, TP.: 05 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2208/00045. C đã thu số tiền 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng).

28) Đơn hàng thứ hai mươi chín: ngày 01/8/2022, xuất hàng cho Công ty TNHH K, địa chỉ 49b đường T, P. P, TP.: 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2208/00068. C đã thu số tiền 10.780.000đ (Mười triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

29) Đơn hàng thứ ba mươi: ngày 01/8/2022, xuất hàng cho Công ty T4, địa chỉ F N, P. B, TP.: 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2208/00037. C đã thu số tiền 27.700.000đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

30) Đơn hàng thứ ba mươi một: ngày 01/8/2022, xuất hàng cho Trung tâm Đ7, địa chỉ khối D, TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An: 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2208/00040. C đã thu số tiền 9.850.000đ (Chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

31) Đơn hàng thứ ba mươi hai: ngày 01/8/2022, xuất hàng cho Công ty TNHH T5, địa chỉ TT. Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An: 09 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2208/00039. C đã thu số tiền 113.000.000đ (một trăm mười ba triệu đồng).

32) Đơn hàng thứ ba mươi ba: ngày 01/8/2022, xuất hàng cho Công ty TNHH K1, địa chỉ P402 CT3 Chung cư P, P. P, TP.: 03 điều hòa theo mã đơn hàng PX: 2208/00095. C thu số tiền 29.740.000đ (Hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

33) Đơn hàng thứ ba mươi bốn: ngày 02/8/2022, xuất hàng cho Công ty TNHH S, địa chỉ I N, P. Ba Đình TP. T: 02 điều hòa theo mã đơn hàng PX: 2208/00182. C đã thu số tiền 17.490.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm chín mươi triệu đồng).

34) Đơn hàng thứ ba mươi lăm: ngày 02/8/2022, xuất hàng cho Công ty TNHH K1, địa chỉ P402 CT3 Chung cư P, P. P, TP .: 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng 2208/00214. C đã thu số tiền 8.780.000đ (Tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

35) Đơn hàng thứ ba mươi sáu: ngày 03/8/2022, xuất hàng cho Công ty TNHH H2, địa chỉ lô C T, P. Q, TP .: 01 điều hòa nhiệt độ, theo mã đơn hàng PX: 2208/00359. C đã thu số tiền 15.130.000đ (Mười lăm triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

36) Đơn hàng thứ ba mươi bảy: ngày 03/8/2022, xuất hàng cho Công ty TNHH L1, địa chỉ lô 4 A3, khu công nghiệp T, P. Đ, TP .: 01 bình nóng lạnh theo mã đơn hàng PX: 2208/00314. C đã thu số tiền 1.220.000đ (Một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

37) Đơn hàng thứ ba mươi tám: ngày 04/8/2022, xuất hàng cho Công ty TNHH D1, địa chỉ A C, P. L, TP .: 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2208/00536. C đã thu số tiền 5.330.000đ (Năm triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

38) Đơn hàng thứ ba mươi chín: ngày 04/8/2022, xuất hàng cho Công ty TNHH K1, địa chỉ P402, CT3, Chung cư P, P. P, TP .: 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2208/00488, C đã thu số tiền 5.330.000đ (Năm triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

39) Đơn hàng thứ bốn mươi: ngày 05/8/2022, do cần tiền chỉ tiêu nên C đã báo cho chị Hoàng Thị Thu Đ là nhân viên kinh doanh của công ty Đ1 để lên đơn hàng bán cho Công ty TNHH Đ2, địa chỉ C N, P. Đ, TP . 01 điều hòa nhiệt độ, 33 bình nóng lạnh theo mã đơn hàng 2208/00650, giá trị đơn hàng là 147.970.000đ. Tin tưởng việc C báo công ty Đ2 đặt hàng là thật, nên Công ty Đ1 đã lên đơn hàng, yêu cầu C thu của khách hàng số tiền 147.970.000 đồng. Sau khi có phiếu xuất kho C đã xuất kho hàng nhưng không bán cho Công ty Đ2 mà bán cho khách lẻ (chưa xác định được thông tin người mua hàng) và thu được số tiền 147.970.000đ (Một trăm bốn bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

40) Đơn hàng thứ bốn mươi một: ngày 05/8/2022, xuất hàng cho Công ty TNHH H3, địa chỉ I N, P. B, TP .: 01 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2208/00599. C đã thu số tiền 13.230.000đ (Mười ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

41) Đơn hàng thứ bốn mươi hai: ngày 05/8/2022, xuất bán cho khách lẻ do chị Hoàng Thị Thu Đ là nhân viên kinh doanh của công ty Đ1: 09 điều hòa nhiệt độ theo mã đơn hàng PX: 2208/00658. C đã thu tiền của khách 97.020.000đ (Chín mươi bảy triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

42) Đơn hàng thứ bốn mươi ba: ngày 05/8/2022, xuất hàng cho Công ty TNHH K1, địa chỉ P402 CT3 Chung cư P, P. P, TP .: 04 điều hòa nhiệt độ và 57

bình nóng lạnh theo mã đơn hàng PX: 2208/00622. C đã thu tiền của khách 411.920.000đ (Bốn trăm mười một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền hàng mà Trần Văn C đã thu của khách hàng là 1.477.399.000 đồng (một tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn đồng). Đến ngày 15/8/2022, Công ty Đ1 đã kiểm tra, đối chiếu và phát hiện C chiếm dụng tiền của công ty nên đã lập biên bản xác nhận công nợ với Trần Văn C (BL 176-179). Sau đó, khoảng 01 tháng Trần Văn C đã thanh toán cho công ty 700.000.000 đồng (trừ vào lương), số còn lại chưa thanh toán. Ngày 25/02/2023, Công ty Đ1 tố cáo hành vi phạm tội của C đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (bút lục số 01, 10).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của C tại Biên bản xác nhận nợ, Biên bản đối chiếu công nợ, Danh sách phiếu xuất kho. Phòng K2 Công an tỉnh T đã ban hành Kết luận số 362/KL-KTHS ngày 24/01/2024. Kết quả: “chữ ký dạng chữ viết "Cường", chữ viết "Trần Văn C" ở mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn C ở mẫu so sánh do cùng một người viết ra" (BL 63).

Về bồi thường dân sự: Sau khi công ty kiểm tra, phát hiện, Trần Văn C đã khắc phục cho công ty 700.000.000 đồng. Quá trình điều tra, gia đình C đã bồi thường toàn bộ số tiền còn lại cho công ty. Công ty Đ1 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can C.

* Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS-P3 ngày 15/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa để xét xử bị can Trần Văn C về tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C từ 16 đến 17 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt của công ty Đ1; đại diện công ty không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác, vì vậy không xem xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

* Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh bị cáo rất khó khăn, hai con còn rất nhỏ, bố mẹ ốm đau; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt cho bị cáo sớm được trở về với gia đình.

* Ý kiến của bị cáo Trần Văn C: Bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm của mình, thống nhất toàn bộ nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát; đề

ngợi Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và những người liên quan khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn C.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn C thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và kết luận giám định, tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra, đủ cơ sở kết luận:

Trần Văn C là thủ kho của Công ty Đ1 - Chi nhánh T2, được giao trách nhiệm thực hiện các thủ tục xuất - nhập hàng hóa, quản lý hàng tồn kho, sắp xếp, bảo quản hàng hóa trong kho, thực hiện thu, chi tiền tại kho Thanh H1 và nộp tiền về công ty, phối hợp với kế toán công nợ - kế toán kho đối chiếu các số liệu phát sinh trong ngày...”. Theo Quy định số 3107/QĐ-DLNNC ngày 31/7/2015 của Công ty Đ1 về việc “bán hàng, vận chuyển, thu tiền”, thì “các trường hợp giao hàng thu tiền ngày, yêu cầu nhân viên thu tiền nộp về công ty ngay theo quy định. Đối với khu vực Hà Nội tối đa không quá 01 ngày, đối với đi tỉnh và các kho tại các tỉnh Hải Phòng, Thanh Hóa tối đa không quá 02 ngày. Nếu quá thời gian trên thì coi đó là hành vi chiếm đoạt tài sản Công ty”.

Trong khoảng thời gian từ ngày 26/7/2022 đến 05/8/2022, Trần Văn C đã xuất kho cho 43 đơn hàng và thu tiền mặt của khách hàng với tổng số tiền là 1.477.399.000 đồng, nhưng C không nộp tiền về Công ty mà chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân.

Bị cáo Trần Văn C có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt số tiền 1.477.399.000 đồng do mình có trách nhiệm quản lý của Công ty Đ1; hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Công ty Đ1 và xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Công ty.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Trần Văn C đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã

hội đặc biệt lớn, số tiền bị cáo chiếm đoạt là 1.477.399.000 đồng; hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty và xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Công ty và ảnh hưởng xấu đến sự phát triển chung của xã hội. Vì vậy cần phải lên cho bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội.

[2.3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt 1.477.399.000 đồng cho Công ty Đ1; Công ty có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông ngoại là ông Nguyễn Văn P1 được tặng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng nhất. Vì vậy, bị cáo C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự.

[2.4] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân của bị cáo; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ điều kiện để bị cáo cải tạo thành công dân có ích cho xã hội, tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo tốt. Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì về phần dân sự, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

2. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn C phạm tội “Tham ô tài sản”.

3. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 22/5/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn C.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho Công ty Đ1, công ty không yêu cầu gì về phần dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND; CA tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- THAHS, THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Hiệu